

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 19/2021/DS-GĐT

Ngày 29/4/2021

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**ỦY BAN THẨM PHÁN**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- *Th phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:***

*Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Long.

*Các Thẩm phán:* Ông Trương M Tuấn và ông Đặng Kim Nhân.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nga – Cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Tôn Thất Th, sinh năm 1948 (là anh, tên thường gọi: N); địa chỉ: Nhà số X đường L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 31/12/2016 của nguyên đơn là anh Tôn Thất Hoài Nh (sinh năm 1991; địa chỉ: nhà số X đường L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế).

**2. Bị đơn:** Ông Tôn Thất Th1, sinh năm 1953 (là em); địa chỉ: Thôn C, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**3.1.** Ông Trần Văn L, sinh năm 1962; địa chỉ: nhà số K đường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**3.2.** Bà Trần Thị Xuân M, sinh năm 1962; địa chỉ: nhà số Y đường Z, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

**3.3.** Bà Trần Thị Mỹ Ch, sinh năm 1966; địa chỉ: nhà số M kiệt N đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**3.4.** Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1969; địa chỉ: nhà số Y đường Z, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

**3.5.** Ông Trần Văn M, sinh năm 1973; địa chỉ: nhà số K đường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**3.6.** Bà Trần Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: nhà số K đường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**3.7.** Ông Trần Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: số K đường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền các ngày 09/10/2019, 25/10/2019 của ông L, bà M, bà Ch, ông Đ, ông M, bà H và ông H là anh Tôn Thất Hoài Nh (sinh năm 1991; địa chỉ: nhà số X đường L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế).

3.8. Bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1956), chị Tôn Nữ Hoài M (sinh năm 1991) và anh Tôn Thất Hoài Th (sinh năm 1995); cùng địa chỉ: Thôn C, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### *Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:*

Cụ Tôn Thất S có hai người vợ. Cụ S với *Người vợ thứ nhất* là cụ Nguyễn Thị V kết hôn khoảng năm 1940, chết năm 1997, hai cụ có 01 con chung là bà Tôn Nữ Thị Bê (chết năm 2010). Bà Bê có chồng là ông Trần Văn Lễ (chết năm 2012), có 7 con là Trần Văn H, Trần Văn M, Trần Thị H, Trần Thị Mỹ Ch, Trần Văn L, Trần Văn Đ và Trần Thị Xuân M. Cụ S sống chung với *Người vợ thứ hai* là cụ Đoàn Thị H năm 1945 và có 2 con chung là ông Tôn Thất Th (sinh năm 1948, là anh, tên thường gọi: N) và ông Tôn Thất Th1 (sinh năm 1953, là em). Năm 1984, cụ S chết không để lại di chúc.

Cụ S và cụ H tạo lập được thửa đất hiện nay tọa lạc tại thôn C, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nguồn gốc đất là do cụ S và cụ H nhận chuyển nhượng của 03 chị em cụ Tổng Thị Mèo, Tổng Văn Dê và Tổng Thị Cháu vào khoảng năm 1954 (hiện nay cả 03 đã chết). Đất cụ S, cụ H sau khi nhận chuyển nhượng đã được Chính quyền cấp Trích lục địa bộ năm 1968 nhưng do chiến tranh nhà cháy nên không còn. Cụ S và cụ H xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 để ở từ năm 1954, quá trình ở đã sửa chữa nhiều lần, ngôi nhà hiện tại xây dựng lại trước năm 1975. Năm 1984 cụ S chết. Năm 1987 vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em) và vợ là bà Nguyễn Thị H1 làm một ngôi nhà ở trên đất, ông Tôn Thất Th (anh) biết nhưng chỉ đồng ý cho làm nhà ở tạm trên đất.

Bản đồ giải thửa kê khai theo Chỉ thị 299/TTg có xác nhận của Phòng Nông Lâm Ngư thành phố năm 1990 (không có sổ sách kèm theo) thể hiện thửa đất cụ S, cụ H tạo lập là thửa đất số 64, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.400m<sup>2</sup> (bút lục 25, 26). Năm 2000, thực hiện chủ trương của Nhà nước về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ Đoàn Thị H được UBND huyện H (nay là thị xã H) cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số R 329282 ngày 24/10/2003 đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.468m<sup>2</sup>; còn ông Tôn Thất Th1 (em) kê khai, được UBND huyện H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số R 329087 ngày 24/10/2003 đối với thửa đất số 64-1, tờ bản đồ số 2, diện tích 292m<sup>2</sup> (sau khi trừ lộ giới đường Quốc lộ 49). Cụ H chết ngày 20/01/2005 nên khi Nhà nước đo đạc lập Bản đồ địa chính năm 2005 theo quy chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì ghi ký hiệu 02 thửa đất trước đây thành thửa 126 (trước là thửa 64-1) tờ bản đồ số 4 diện tích 1.049,7m<sup>2</sup> và thửa 127 (trước là thửa 64) tờ bản đồ số 4 diện tích 1.565,6m<sup>2</sup> (bl 316).

Năm 2011, ông Tôn Thất Th (anh) có đơn khiếu nại việc UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Th1 (em) không đúng quy định của pháp luật. Ngày 30/11/2015, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1464/QĐ-UBND thu hồi *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số R 329087 cấp

ngày 24/10/2003 cho vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em) đối với thửa đất số 64-1, tờ bản đồ số 2, diện tích 292m<sup>2</sup>. Vợ chồng ông Tôn Thất Th1 khiếu nại, Chủ tịch UBND thị xã H giải quyết khiếu nại lần 1 và Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết khiếu nại lần 2 đều không chấp nhận khiếu nại của vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em). Do vợ chồng ông Th1 (em) không giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 21/10/2016 UBND thị xã H ban hành Quyết định số 3120/QĐ-UBND hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số R 329087 cấp ngày 24/10/2003 cho vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em) đối với thửa đất số 64-1, tờ bản đồ số 2, diện tích 292m<sup>2</sup>. Tháng 4/2017 ông Tôn Thất Th1 (em) khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3120/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND thị xã H. Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2017/HC-ST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (bản án có hiệu lực thi hành - bl 77) bác yêu cầu khởi kiện của ông Tôn Thất Th1 (em).

Ngày 19/01/2017 ông Tôn Thất Th (anh) khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của vợ chồng cụ S, cụ H là 2.566,2m<sup>2</sup> đất (theo đo đạc hiện trạng thực tế) tại thôn C, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, yêu cầu chia đôi đất theo chiều dài mặt đường Quốc lộ 49, cho ông Th1 (em) và ông Th (anh). Đối với *Di chúc* ghi do cụ H lập mà ông Th1 (em) xuất trình thì ông Th (anh) cho rằng *Di chúc* này không hợp pháp vì thời điểm lập *Di chúc* cụ H đã được UBND huyện H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số R 329282 ngày 24/10/2003 đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.468m<sup>2</sup> nhưng nội dung *Di chúc* không ghi cụ H định đoạt cho ông Th1 (em) thửa đất nào, diện tích bao nhiêu? *Di chúc* cũng không ghi tuổi cụ H1 khi lập *Di chúc* và cụ H1 không biết chữ nhưng *Di chúc* không được công chứng hoặc chứng thực. Đơn khởi kiện lúc đầu ông Th (anh) yêu cầu chia thừa kế giá trị nhà cấp 4 do cụ S, cụ H tạo lập nhưng sau đó ông Th (anh) rút yêu cầu này.

- *Bị đơn là ông Tôn Thất Th1 (em)*: Thống nhất với trình bày của ông Tôn Thất Th (anh) về quan hệ huyết thống. Về nguồn gốc đất có tranh chấp thì bị đơn thừa nhận do vợ chồng cụ Tôn Thất S, cụ Đoàn Thị H tạo lập nhưng năm 1980 hai cụ đã cho bị đơn làm nhà ở trên một phần mảnh đất, năm 1987 làm nhà ở kiên cố như hiện nay, hàng năm nộp thuế cho Nhà nước và không ai tranh chấp. Vợ chồng bị đơn đã đăng ký kê khai theo Bản đồ năm 2005 là thửa đất số 126, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.049,7m<sup>2</sup> (đo thực tế là 994m<sup>2</sup>). Đối với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 4, theo Bản đồ năm 2005 thì trên đất có nhà cấp 4 do bị đơn cùng cha mẹ xây dựng, vì vậy bức *Liên ba* trong nhà ghi bằng chữ Hán “*Tôn Thất T phụng tự*” nghĩa là giao ngôi nhà này cho ông Th1 (em) thờ tự. Cụ H trước khi chết có lập *Di chúc* ngày 23/11/2004 cho vợ chồng bị đơn nhà và đất (hiện nay là thửa đất số 127) để vợ chồng bị đơn thờ cúng tổ tiên. Như vậy, toàn bộ nhà đất (hiện nay là hai thửa số 126 và số 127) đều thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bị đơn nên không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Trần Văn H, Trần Văn M, Trần Thị Hằng, Trần Thị Mỹ Ch, Trần Văn L, Trần Xuân Đ và Trần Thị Xuân M (là cháu của cụ S với người vợ thứ nhất là cụ V)*: Đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của vợ chồng cụ S, cụ H theo pháp luật như đề nghị của nguyên đơn, các Anh

Chị đều đồng ý nhường kỷ phần thừa kế mình được hưởng cho ông Tôn Thất Th (anh).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1, chị Tôn Nữ Hoài M và anh Tôn Thất Hoài Th (là vợ và các con của ông Tôn Thất Th1 - em) thống nhất với trình bày và đề nghị của ông Tôn Thất Th1 (em).

- Người làm chứng là ông Phan Gia H3 trình bày: Cụ H có nhờ ông H3 đến nhà cụ H viết giúp Di chúc vì cụ H không biết chữ. Ông H3 đã viết Di chúc theo ý nguyện của cụ H và có thu âm giọng nói của cụ H vào máy Cát sét nhưng máy đã hỏng, ngoài ra còn có ông Ph chụp ảnh lại quá trình lập Di chúc. Viết xong, ông H3 đưa Di chúc, hướng dẫn cụ H điểm chỉ, những người làm chứng gồm ông H3, ông Nguyễn Đ và ông Ngô Văn Ph ký vào Di chúc, rồi ông gọi ông Th1 (em) ký vào Di chúc với tư cách người nhận thừa kế.

- Người làm chứng là ông Nguyễn Đ và ông Ngô Văn Ph thống nhất với trình bày của ông Phan Gia H3.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 28/11/2019, Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

“... 1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia di sản là ngôi nhà cấp 4 do ông Tôn Thất S và bà Đoàn Thị H tạo lập.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tôn Thất Th (Tên gọi khác: N).

\* Công nhận diện tích đất 2.566,2m<sup>2</sup> có giới cận:...là di sản thừa kế của ông Tôn Thất S và bà Đoàn Thị H.

\* Di sản thừa kế được chia như sau:

+ Trích công sức quản lý, bảo quản, tôn tạo di sản thừa kế, ông Tôn Thất Th1 và bà Nguyễn Thị H1 được hưởng là 513,24m<sup>2</sup>, trong đó 80m<sup>2</sup> đất ở.

+ Phần diện tích đất ông Tôn Thất Th1 được hưởng là 821,184 m<sup>2</sup>.

+ Phần diện tích đất ông Tôn Thất Th (Tên gọi khác: N) được hưởng là 821,184m<sup>2</sup>

+ Phần diện tích đất ông Trần Văn H, ông Trần Văn M, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Mỹ Ch, ông Trần Văn L, ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Xuân M được hưởng là 410,592m<sup>2</sup>.

\* Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho ông Tôn Thất Th (Tên gọi khác: N) phần di sản thừa kế 410,592m<sup>2</sup> được hưởng của ông Trần Văn H, ông Trần Văn M, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Mỹ Ch, ông Trần Văn L, ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Xuân M.

\* Ông Tôn Thất Th (Tên gọi khác: N) và ông Tôn Thất Th1 được nhận phần đất như sau (Có bản vẽ kèm theo).

+ Ông Tôn Thất Th (Tên gọi khác: N) được quyền sử dụng 1.231,8m<sup>2</sup>, trong đó có 192m<sup>2</sup> đất ở. Vị trí thửa đất có ký hiệu trong bản vẽ là A, có giới cận như sau:... Tọa lạc tại Thôn C, xã B, Thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Ông Tôn Thất Th1 được quyền sử dụng 1.334,4m<sup>2</sup>, trong đó có 208m<sup>2</sup> đất ở (Phần đất này bao gồm cả phần công sức ông Th1 và bà H1 được hưởng). Vị trí thửa đất có ký hiệu trong bản vẽ là B, có giới cận như sau:... Tọa lạc tại Thôn C, xã B, Thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

\* Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự thống nhất xây cất và ngôi nhà cấp 4 do ông Tôn Thất S và Đoàn Thị H tạo lập gắn liền trên phần đất của ai được

*nhận, người đó được quyền sở hữu, không yêu cầu Tòa án giải quyết... ”*

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng.

- Ngày 10/12/2019 ông Tôn Thất Th (anh) kháng cáo cho rằng: (i). Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức quản lý, bảo quản, tôn tạo di sản cho ông Th1 (em) 20% tổng diện tích đất cha mẹ để lại (513,24m<sup>2</sup> đất) là quá nhiều, Ông chỉ đồng ý trích từ 3% đến 5%; (ii). Tòa án cấp sơ thẩm giao hiện vật cho ông Th1 (em) kích thước đất theo mặt tiền đường Quốc lộ 49 quá nhiều làm thiệt hại quyền lợi của Ông và các thừa kế khác.

- Ngày 12/12/2019 ông Tôn Thất Th1 (em) kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm công nhận vợ chồng ông Th1 (em) có quyền sử dụng thửa đất 64-1 vì đã được cấp Giấy chứng nhận (sau đó bị hủy); công nhận giá trị *Di chúc* cụ H lập ngày 23/11/2004 để cho vợ chồng ông Th1 (em) được hưởng phần tài sản của cụ H trong thửa đất 64.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2020/DS-PT ngày 19/5/2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 1522/QĐ-SCBSBA ngày 03/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định: “...*Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Tôn Thất Th1 (N), không chấp nhận kháng cáo của ông Tôn Thất Th1, sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã H:*

*1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia di sản là ngôi nhà cấp 4 do ông Tôn Thất S và bà Đoàn Thị Hương tạo lập.*

*2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tôn Thất Th (Tên gọi khác: N) chia di sản thừa kế của ông Tôn Thất S và bà Đoàn Thị H để lại.*

*Xác định diện tích đất 2.560,2m<sup>2</sup> có giới cận:., là di sản thừa kế của ông Tôn Thất S và bà Đoàn Thị H.*

*Di sản thừa kế được chia như sau:*

*Trích công sức quản lý, bảo quản, tôn tạo di sản thừa kế cho ông Tôn Thất Th1 và bà Nguyễn Thị H1 được hưởng là 128,31m<sup>2</sup>.*

*+ Phần diện tích đất ông Tôn Thất Th1 được hưởng là 975, 16m<sup>2</sup>.*

*Phần diện tích đất ông Tôn Thất Th (Tên gọi khác: N) được hưởng là 975,16m<sup>2</sup>.*

*+ Phần diện tích đất ông Trần Văn H, ông Trần Văn M, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Mỹ Ch, ông Trần Văn L, ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Xuân M được hưởng là 487,58m<sup>2</sup>.*

*Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho ông Tôn Thất Th (Tên gọi khác: N) phần di sản thừa kế 487,58m<sup>2</sup> được hưởng của ông Trần Văn H, ông Trần Văn M, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Mỹ Ch, ông Trần Văn L, ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Xuân M.*

*Ông Tôn Thất Th (Tên gọi khác: N) và ông Tôn Thất Th1 được nhận phần đất như sau (Có bản vẽ kèm theo).*

*Ông Tôn Thất Th (Tên gọi khác: N) được quyền sử dụng 1.462,74 m<sup>2</sup>(bao gồm cả phần thừa kế khác tặng cho) thửa đất có ký hiệu trong bản vẽ là A, có giới cận như sau: ...Tọa lạc tại Thôn C, xã B, Thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.*

*+ Ông Tôn Thất Th1 được quyền sử dụng 1.103,47m<sup>2</sup> (bao gồm cả phần công sức ông Th1 và bà H1 được hưởng 5% của tổng diện tích đất là di sản thừa kế). Vị trí thửa đất có ký hiệu trong bản vẽ là B, có giới cận như sau:... Tọa lạc tại Thôn C, xã B, thị xã H, Thừa Thiên Huế. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự thống*

*nhất cây cối và ngôi nhà cấp 4 do ông Tôn Thất S và Đoàn Thị H tạo lập gắn liền trên phần đất của ai được nhận, người đó được quyền sở hữu...”*

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng.

- Ngày 16/7/2020, bị đơn ông Tôn Thất Th1 (em) có Đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Tại Quyết định số 12/KNĐT-VKS-DS ngày 05/01/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án phúc thẩm; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm và bản án dân sự phúc thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết sơ thẩm lại, với nhận định:

*Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã H và Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2020/DS-PT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đều xác định di sản của cụ Tôn Thất S và cụ Đoàn Thị H tạo lập là toàn bộ diện tích đất đo thực tế 2.566,2m<sup>2</sup> là có cơ sở đúng pháp luật.*

*Tuy nhiên, khi cụ Tôn Thất S và cụ Đoàn Thị H còn sống thì vợ chồng ông Tôn Thất Th1, bà Nguyễn Thị H1 đã ở và làm nhà kiên cố trên thửa đất này, năm 2004 vợ chồng ông Tôn Thất Th1, bà Nguyễn Thị H1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 292m<sup>2</sup>, tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th1, bà H1, cụ Đoàn Thị H còn sống biết nhưng không có ý kiến gì.*

*Theo quy định tại Án lệ số 03/2016 quy định: “..Trường hợp cha mẹ đã cho vợ chồng người con một diện tích đất và vợ chồng người con đã xây dựng nhà kiên cố trên diện tích đất đó để làm nơi ở, khi vợ chồng người con xây dựng nhà thì cha mẹ và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì; vợ chồng người con đã sử dụng nhà, đất liên tục, công khai, ổn định và đã tiến hành việc kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải xác định vợ chồng người con đã được tặng cho quyền sử dụng đất...Bản án dân sự sơ thẩm và Bản án dân sự phúc thẩm đều xác định di sản thừa kế bao gồm cả diện tích đất 292m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tôn Thất Th1, bà Nguyễn Thị H1 là không đúng dẫn đến việc chia di sản thừa kế không đúng làm ảnh hưởng quyền lợi của vợ chồng ông Tôn Thất Th1, bà Nguyễn Thị H1.*

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận nguồn gốc 02 thửa đất số 126 và số 127 tờ bản đồ số 4 - Bản đồ địa chính năm 2005 (trước đây theo Bản đồ giải thửa kê khai theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ là thửa số 64, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.400m<sup>2</sup>) là tài sản do vợ chồng cụ Tôn Thất S, cụ Đoàn Thị H nhận chuyển nhượng của 03 chị em cụ Tổng Thị Mèo, Tổng Văn Dê và Tổng Thị Cháu năm 1954 và hiện nay cả 03 Cụ đều đã chết. Ngay sau khi nhận chuyển nhượng đất hai Cụ dựng nhà để ở cùng các con (hai cụ xây dựng nhà

cấp 4 khoảng trước năm 1975). Cụ S chết năm 1984. Sau khi cụ S chết vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em) vẫn ở cùng Nhà cấp 4 với cụ H, đến năm 1987 do đông người, nhà chật nên vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em) mới làm thêm nhà trên đất để ở.

[2] Khi kê khai sử dụng đất theo Chỉ thị 299/TTg thì *Bản đồ giải thửa* có xác nhận của Phòng Nông Lâm Ngư thành phố năm 1990 (không có hồ sơ kê khai kèm theo) thể hiện khu đất do vợ chồng cụ S, cụ H tạo lập là thửa số 64, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.400m<sup>2</sup> (bút lục 25, 26). Cùng ngày 24/10/2003 UBND huyện H (nay là thị xã H) cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số R 329282 ngày 24/10/2003 cho cụ Đoàn Thị H đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.468m<sup>2</sup>; cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số R 329087 cho vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em) đối với thửa đất số 64-1, tờ bản đồ số 2, diện tích 292m<sup>2</sup> (sau khi trừ lộ giới đường Quốc lộ 49). Cụ Đoàn Thị H chết ngày 20/01/2005.

[3] Theo ông Tôn Thất Th (anh) thì năm 2005 phát hiện việc vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em) tự ý kê khai, được cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất* 64-1 thì ông Th (anh) khiếu nại. Tại Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 UBND huyện H quyết định thu hồi (Quyết định số 3120/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 quyết định hủy bỏ) *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số R 329087 đã cấp cho vợ chồng ông Th1 (em) ngày 24/10/2003 đối với thửa đất số 64-1, tờ bản đồ số 2, diện tích 292m<sup>2</sup>. Vợ chồng ông Th1 (em) khiếu nại nhưng Chủ tịch UBND thị xã H trả lời khiếu nại lần thứ nhất, Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế trả lời khiếu nại lần thứ hai (bút lục 151-157) đều không chấp nhận khiếu nại của vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em). Tháng 4/2017 ông Th1 (em) khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định thu hồi, hủy bỏ *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* mà UBND huyện H đã cấp cho vợ chồng ông Th1 (em) đối với thửa đất số 64-1 thì tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2017/HC-ST ngày 19/12/2017 (Bản án có hiệu lực thi hành – bút lục 77), Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Tôn Thất Th1 (em).

[4] Xét, thửa đất số 64, tờ bản đồ số 2, tờ *Bản đồ giải thửa* có xác nhận của Phòng Nông Lâm Ngư thành phố năm 1990 (kê khai theo Chỉ thị 299/TTg) diện tích 2.400m<sup>2</sup> (đo thực tế hiện nay là 2.566,2m<sup>2</sup>), địa chỉ thôn C, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế là tài sản chung do vợ chồng cụ S, cụ H tạo lập; khi cụ S còn sống thì vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em) vẫn sống chung cùng hai Cụ, hai Cụ chưa cho vợ chồng ông Th1 (em) đất để làm nhà ra ở riêng. Cụ S chết không để lại di chúc nên di sản của cụ S do 5 đồng thừa kế của cụ S gồm cụ Nguyễn Thị V, bà Tôn Nữ Thị B, cụ Đoàn Thị H, ông Tôn Thất Th (anh) và ông Tôn Thất Th1 (em) được hưởng. Như vậy, năm 1987 vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em) làm nhà ra ở riêng thì chỉ mình cụ H (nếu có) đồng ý mà chưa có sự đồng ý của các thừa kế khác vì những người thừa kế thế vị của cụ V, bà B vẫn đề nghị chia thừa kế di sản của cụ S nhưng nhường kỷ phần cho ông Th1 (anh), còn ông Th (anh) thì trình bày năm 1987 có biết việc vợ chồng ông Th1 (em) làm nhà ra ở riêng nhưng chỉ đồng ý cho ở tạm chứ không đồng ý cho luôn đất. Mặt khác, khi kê khai sử dụng đất theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ thì *Bản đồ giải thửa* có xác nhận của Phòng Nông Lâm Ngư thành phố năm 1990 thể hiện thửa đất số 64, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.400m<sup>2</sup> vẫn đứng tên cụ H (bút lục 25, 26). Năm 2000, trong hồ sơ đề nghị cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*, vợ chồng ông

Tôn Thất Th1 (em) kê khai nguồn gốc thửa đất 64-1 xin cấp Giấy chứng nhận là “do cha mẹ để lại năm 1980, đã ở đây từ năm 1980 đến nay không ai tranh chấp” là không đúng vì vợ chồng ông Th1 (em) mới làm nhà ra ở riêng trên thửa đất 64-1 từ năm 1987 và không có Giấy tờ về việc vợ chồng ông Th1 (em) được tặng cho hoặc nhận chuyển nhượng đất từ cha mẹ. Do việc vợ chồng ông Th1 (em) kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 64-1 không đúng quy định tại điểm a, khoản 3, mục 1, chương 2 Thông tư số 1990/2001/TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính nên UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 thu hồi (Quyết định số 3120/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 quyết định hủy bỏ) *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số R 329087 đã cấp cho vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em) ngày 24/10/2003 đối với thửa đất số 64-1. Vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em) khiếu nại và khởi kiện nhưng đều không được chấp nhận khiếu nại và bị bác yêu cầu khởi kiện. Với các tình tiết nêu trên, đối chiếu tinh thần Án lệ số 03/2016 quy định: “...*Trường hợp cha mẹ đã cho vợ chồng người con một diện tích đất và vợ chồng người con đã xây dựng nhà kiên cố trên diện tích đất đó để làm nơi ở, khi vợ chồng người con xây dựng nhà thì cha mẹ và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì; vợ chồng người con đã sử dụng nhà, đất liên tục, công khai, ổn định và đã tiến hành việc kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải xác định vợ chồng người con đã được tặng cho quyền sử dụng đất...*”) thì không đủ điều kiện để áp dụng tinh thần Án lệ 03/2016 để công nhận vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em) đã được tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 64-1, tờ bản đồ 02, diện tích 292m<sup>2</sup> như Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 12/KNGĐT-VKS-DS ngày 05/01/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đặt ra.

[5] Xét hiệu lực của *Di chúc* đề ngày 23/11/2004 có dấu điểm chỉ dưới ghi tên cụ “*Đoàn Thị H*” Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xét thấy: [5.1]. Thời điểm lập *Di chúc* cụ S đã chết, nhà đất tại thửa đất số 64 là tài sản chung vợ chồng nhưng mình cụ H định đoạt (cả 3 sào đất) là vượt quá quyền về tài sản của cụ H; [5.2]. Những người làm chứng đều xác nhận cụ H không biết chữ (cụ H chỉ điểm chỉ vào *Di chúc*), trong khi Khoản 3 Điều 655 Bộ luật dân sự 1995 quy định: “*Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản có chứng nhận của Công chứng nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn*”; [5.3]. Vì các lý do trên, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định *Di chúc* không hợp pháp nên không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Tôn Thất Th1 (em) yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Đoàn Thị H theo *Di chúc* này là có cơ sở, đúng pháp luật.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức quản lý di sản cho vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em) mức 20% giá trị di sản là quá lớn vì ông Th1 (em) chỉ là 1 trong 5 đồng thừa kế nên ông Tôn Thất Th (anh) kháng cáo; do đó, Tòa án cấp phúc thẩm trích công sức quản lý di sản cho vợ chồng ông Tôn Thất Th1 (em) mức 5% giá trị di sản quy thành 128,31m<sup>2</sup> đất là phù hợp. Tòa án cấp phúc thẩm xác định đúng di sản thừa kế, đúng diện và hàng thừa kế, định giá và chia hiện vật là có cơ sở, đúng pháp luật. Hiện nay, sau khi Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thì ông Tôn Thất Th (anh) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 1.462,74m<sup>2</sup> đất được chia; ông Tôn Thất Th (anh) đã chuyển nhượng một phần



thừa đất cho anh Tôn Thất Hoài Nh, anh Nh đã thế chấp vay tiền Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

Từ các tài liệu dẫn chứng, được phân tích nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 1 Điều 343, Điều 348 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 12/KNGĐT-VKS-DS ngày 05/01/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2020/DS-PT ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã giải quyết vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” giữa nguyên đơn là ông Tôn Thất Th1 (sinh năm 1948 là anh, tên thường gọi: N) với bị đơn là ông Tôn Thất Th1 (sinh năm 1953, là em).

2. Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2020/DS-PT ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra II -TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh TT Huế (để biết);
- Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (để biết);
- Chi cục Thi hành án dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng GDKT II; hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Long**